TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 730/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân
2. Bà Lâm Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1215/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1424/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 278 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970, địa chỉ liên hệ: Lầu E B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền số 940/2024/UQ-TGĐ ngày 19/01/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).
(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Hoài Phượng L, sinh năm 1977
Địa chỉ: F Quốc lộ A, Tổ G, Khu phố C (Nay là Khu phố I), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 21/11/2018, bà Võ Hoài Phượng L ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Theo đó, ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 58.110.284 đồng. Quá trình sử dụng, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/8/2022 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi trong hạn được tính là 2,6%/tháng, lãi quá hạn được tính là 3,9% tháng. Tính đến ngày 24/9/2024, bà L còn nợ gốc là 49.103.920 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.769.940 đồng, tổng cộng là 97.873.860 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền 97.873.860 đồng nói trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận về lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án cũng không gởi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", tại thời điểm ký hợp đồng bị đơn cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Hồ sơ thể hiện, vào ngày 21/11/2018, giữa bà Võ Hoài Phượng L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có giao kết, thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Nguyên đơn là ngân hàng thương mại hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được cấp tín dụng theo hình thức "phát hành thẻ tín dụng" theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã cấp cho bà L thẻ tín dụng số 512341-6199, hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 58.110.284 đồng. Quá trình sử dụng, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/8/2022 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Trước khi chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, ngân hàng đã thực hiện thông báo cho bà L vào ngày 03/01/2024 bằng văn bản gởi qua bưu điện số vận đơn 53/85, mã vận đơn 5BA31300 là ngân hàng đã thực hiện đúng quy định tại Khoản mục 15 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Điều khoản và điều kiện).

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bà L là căn cứ cho ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ theo quy định tại Khoản mục 23 của Điều khoản và điều kiện phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi và phí được ngân hàng tính theo quy định tại Khoản mục 20 và 24 của Điều khoản và điều kiện trên cơ sở mức lãi và phí theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ căn cứ vào Bảng mô tả nội dung thay đổi ban hành theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-VBLQ ngày 06/8/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định, tính đến ngày 24/9/2024, bà L còn nợ ngân hàng như sau: Nợ gốc là 49.103.920 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.769.940 đồng, tổng cộng là 97.873.860 đồng.

Từ những nhận định trên, có sơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, buộc bà L trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu nói trên. Đồng thời, bà L phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 97.873.860 đồng nên bị đơn phải chịu án phí là: 5% x 97.873.860 đồng = 4.893.693 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Số thẻ tín dụng 512341-6199) bà Võ Hoài Phượng L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã ký kết bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/11/2018 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, tính đến ngày 24/9/2024, bà Võ Hoài Phượng L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 49.103.920 (Bốn mươi chín triệu một trăm lẻ ba ngàn chín trăm hai mươi) đồng, nợ lãi quá hạn là 48.769.940 (Bốn mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi) đồng, tổng cộng là 97.873.860 (Chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm sáu mươi) đồng. Buộc bà L phải trả số tiền nợ này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Hoài Phượng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Hoài Phượng L phải chịu án phí là 4.893.693 (Bốn triệu tám trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.012.769 (Hai triệu không trăm mười hai ngàn bảy trăm sáu mươi chín) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021896 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh